TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.

2. Bà Dương Thị Hoa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn**: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

+ **Bị đơn**: Ông Giáp Văn B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/4/2023 và trong quá trình xét xử, Bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai trình bày:

Bà H với ông Giáp Văn B kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1986 nhưng giấy đăng ký kết hôn bị mất nên không còn lưu trữ; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn bà H về làm dâu nhà ông B ngay ở địa chỉ thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Bà H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại địa chỉ: thôn D, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hai người đã ly thân

nhau từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án cho bà H được ly hôn với ông B.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Giáp Thị H, sinh ngày 13/12/1988 và Giáp Văn H, sinh ngày 22/8/1990. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà H và ông B tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông Giáp Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai trình bày:

Ông B với bà H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1986 nhưng bị mất giấy đăng ký kết hôn; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn bà H về làm dâu nhà ông B ngay ở địa chỉ thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Bà H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại địa chỉ: thôn D, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hai người đã ly thân nhau từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà đề nghị ly hôn với ông B. Ông B đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Giáp Thị H, sinh ngày 13/12/1988 và Giáp Văn H, sinh ngày 22/8/1990. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Giáp Văn B tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh với ông Giáp Văn Hiển sinh năm 1943, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là trưởng họ giáp đồng thời là anh họ của ông B, cho biết như sau:

Vào năm 1986, bà H kết hôn với ông B có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Giữa bà H và ông B có đăng ký kết hôn với nhau hay không thì ông không nắm được. Sau khi cưới hỏi thì bà H về làm dâu nhà ông B ngay tại thôn M, xã H, huyện Việt Yên. Đến năm 1990, do mâu thuẫn vợ chồng, bà H đã cùng với con nhỏ bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Vĩnh Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi về nhà mẹ đẻ thì bà H sinh thêm được một người con trai. Từ 1990 đến nay bà H không về nhà ông B ở nữa và không ai quan tâm đến ai.

UBND xã H, huyện Việt Yên xác nhận: Qua kiểm tra, xác minh sổ đăng ký kết hôn từ năm từ năm 1992 trở về trước hiện tại UBND xã H không còn lưu trữ được. Do vậy không có căn cứ cấp sao giấy đăng ký kết hôn cho bà H.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên toà. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 35, 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị H được ly hôn ông Giáp Văn B.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay cả bà H và ông B vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông B theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Giáp Văn B kết hôn với nhau, có cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không có giấy đăng ký kết hôn. Căn cứ vào lời khai của ông Giáp Văn Hiển là trưởng họ giáp; căn cứ vào giấy khai sinh của 2 con chung thì ông B đã kết hôn với bà H vào năm 1986, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn có về làm dâu nhà chồng và có với nhau 2 con chung. Mặc dù không có giấy đăng ký kết hôn, nhưng căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm c mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 *thì hôn nhân giữa bà H và ông B* thuộc trường hợp hôn nhân thực tế.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (Do hai người không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống) dẫn tới việc hai người ly thân từ năm 1990 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà H được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Giáp Thị H sinh ngày 13/12/1988 và Giáp Văn H sinh ngày 22/8/1990. Hiện hai cháu đã trưởng thành. Cả hai cháu đều phát triển bình thường. Cả bà H và ông B không ai đề nghị Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Giáp Văn B không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm c mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Phạm Thị H và ông Giáp Văn B.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006890 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H và ông Giáp Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Huyện Việt Yên;
- CCTHA-DS Huyện Việt Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường